

Công chúa Huyền Trân và di chỉ thờ phụng ở vùng văn hóa - lịch sử Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

NGUYỄN CHÍNH

Chủ nhiệm Trung tâm nghiên cứu Bảo tồn và Phát huy văn hóa các dân tộc miền Trung và Tây nguyên

1.

Công chúa Huyền Trân là con út của vua Trần Nhân Tông và hoàng hậu Khâm Từ Quyên Thanh, cháu ngoại Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn, em ruột vua Trần Anh Tông.

Đại Việt sử ký toàn thư viết: *"Mùa hạ, tháng 6 (năm Bính Ngọ, nhằm 1305 dương lịch, nhà Trần) gả công chúa Huyền Trân cho chúa Chiêm Thành là Chế Mân"*, thực hiện lời hứa của vua Trần Nhân Tông từ năm 1301. Ban đầu, nhiều ý kiến trong triều cũng như dư luận xã hội đương thời phản đối gay gắt việc gả Công Chúa về Chiêm - lúc bấy giờ được hiểu như bị đưa đến một xứ man di, xa lạ và hèn yếu hơn Đại Việt. Nhưng một số nhân vật vị vọng trong triều như các trọng thần Văn Túc Vương Đạo Tái, Nhập nội hành khiển Thượng thư Tả bộc xạ (Tể tướng) Trần Khắc Chung và một số vị khác đã thỉnh cầu vua

Trần Anh Tông cần thuận theo tôn ý của Phụ vương Thái thượng hoàng, đồng thời nên cân nhắc lợi ích hòa bình mở cõi và hòa hiếu lâu dài giữa hai nước do cuộc hôn nhân đem lại.

Về Chiêm, công chúa Huyền Trân sống hòa mục và được quý mến ở quê chồng; được vua Chế Mân sủng ái và đề cao, tấn phong là hoàng hậu thứ nhất, với tôn hiệu Hoàng hậu Paramesvari, đứng đầu các hậu và phi của vua Chiêm. Nhưng chẳng may chỉ được non một năm, tháng 5 Đinh Mùi (1307), trong lúc công chúa đang có thai, vua Chế Mân bị bạo bệnh qua đời.

Tuy có trì hoãn lấy lý do phải chờ ngày sinh ra hoàng tử và đón đoàn sứ thần của Đại Việt vào viếng tang, nhưng theo luật tục Chiêm Thành thì hoàng hậu phải chịu hỏa thiêu chết theo vua.

Đoàn Đại Việt do các quan Tế tướng Trần Khắc Chung và An phủ sứ (Tỉnh trưởng) Hóa Châu Đặng Văn cùng một số vị tăng sĩ Phật giáo dẫn đầu, đưa theo hàng nghìn thủy thủ tùy tùng, đi thuyền sang Đồ Bàn (kinh đô Chiêm Thành, nay ở Bình Định), cuối năm 1307. Lúc đó, hoàng hậu Paramesvari (Huyền Trân) đã sinh thể tử Chế Đa Đa và đang chờ ngày hành lễ tự hiến theo chồng trên giàn thiêu đã sắp đặt sẵn ở bờ biển Quy Nhơn, bên thành Đồ Bàn. Đoàn sứ Đại Việt xin lập trai đàn trên một số chiến thuyền được kết lại ở ngoài biển để làm lễ cho vua Chế Mân và xin đón hoàng hậu Paramesvari (Huyền Trân) đích thân ra tới trai đàn đứng làm chủ lễ cúng tế chiêu hồn cho chồng theo phong tục, nghi lễ Việt, trước khi quay vào bờ lên giàn hỏa thiêu theo luật tục Chiêm Thành. Phó vương Chiêm Chế Chí chấp thuận. (Tương truyền Chế Chí – vua chú của Chế Mân, vốn là người hòa hiếu; ông ta cũng đoán được ý đồ của đoàn Đại Việt, nhưng chỉ giữ lại thể tử và đã để Bà Huyền Trân ra làm trai đàn cho chồng, không ngăn trở và phòng bị gì). Khi thuyền chở hoàng hậu đang đi trên biển thì thủy quân Việt bất ngờ đón lấy và bắt theo 300 cung nữ, lính hầu người Chiêm; giong buồm về Bắc. Có lẽ lúc đó, do thể tình và cân nhắc tình thế, nên Phó vương Chế Chí đã không ra lệnh đuổi theo, mặc dù đương thời, quân Chiêm vốn thiện chiến trên biển và chiến thuyền của họ rất mạnh. Khi ra đến Hóa Châu, đoàn nhà Trần tạm dừng nghỉ và sau đó cho 300 người Chiêm trở về nước.

(Về việc công chúa Huyền Trân phải hỏa thiêu chết theo chồng, gần đây có một số tác giả luận đoán theo hướng khác. Tuy nhiên, ở đây xin vẫn thuật và ghi theo thông tin và tư liệu đã lưu truyền).

Phải bỏ con mới mấy tháng tuổi ở lại Đồ Bàn, công chúa Huyền Trân về Thăng Long, gặp vua cha Trần Nhân Tông lúc ấy đã là thiền sư Trúc Lâm đại đầu đà. (Cũng tương truyền Thái Thượng hoàng đã không được biết trước mưu kế và hành động giải cứu này của vua Trần Anh Tông và một số triều thần). Bà xin xuất gia, pháp danh Hương Tràng, trụ trì chùa Quang Nghiêm, xã Hồ

Sơn, trấn Sơn Nam. Bà cũng thường về làng Thái Đường (nơi có Chiêu lăng thờ tiên tổ nhà Trần), nay thuộc huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, để chăm lo hương khói cho mẹ đã mất sớm, đồng thời dạy dân dệt vải trồng lúa theo lối người Chiêm và để dành vàng mua ruộng đất làm phúc cho dân nghèo ở 36 làng xã quanh vùng. (Riêng làng Dành, nay là xã An Ninh huyện Quỳnh Phụ tỉnh Thái Bình được hưởng 28 mẫu, lưu truyền đến nay là “ruộng vàng”).

Bà viên tịch vào đêm mùng 9 tháng giêng, được ngoài 50 tuổi. Dân làng Thái Đường nhớ ơn, tôn Bà làm Mẫu Huyền Trân và dựng ngôi Chùa Cả ở gần sông Thái Sư để thờ, nay còn dấu tích; còn dân làng Dành thì tôn Bà làm Thành hoàng.

Tháng giêng năm Đinh Mùi (1307), quan Ngự sử Trung tán Đoàn Nhữ Hài vâng mệnh vua Trần Anh Tông, vào tiếp quản và đổi Châu Ô Châu Rí là đất sính lễ của Chế Mân, thành Châu Thuận và Châu Hóa. Như thế, nhờ cuộc “hôn nhân hòa hiếu” của Bà, một dải đất nước từ bờ nam sông Hiếu (Đông Hà, Quảng Trị) đến bờ bắc sông Thu Bồn (còn gọi sông Ngũ Bồ, Quảng Nam), nay bao gồm Nam Quảng Trị, tỉnh Thừa Thiên Huế, đệ nhất hùng quan Hải Vân, toàn bộ thành phố Đà Nẵng và Bắc Quảng Nam, trở thành lãnh thổ của Đại Việt theo con đường hữu nghị hòa bình. Lưu dân Việt đi theo Ngự sử Đoàn Nhữ Hài, đã di cư đợt đầu tiên đến Nam Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng và Bắc Quảng Nam ngày nay, sinh sống làm ăn, phần nhiều ở lưu vực các con sông lớn, đan xen hòa hợp với thổ dân - nhất là ở phía nam đèo Hải Vân.

2.

Đánh giá cao sự hy sinh và công đức dẫn thân mở đất cũng như hành trạng, đức hạnh của Bà, các triều vua Chính Hòa, Cảnh Hưng nhà Lê, Cảnh Thịnh nhà Tây Sơn, các vua triều Nguyễn...đều có sắc tôn phong. Tổ tiên ta tôn kính, nhớ ơn công chúa Huyền Trân như vị tổ khai cơ, là tiền hiền của một vùng đất. Nhiều nơi trong nước và ngay ở Thuận Hóa cũ, lưu truyền nhiều đến miếu thờ Bà, nhưng lâu ngày do thiên tai nhân họa và thời gian phong hóa, nên phần lớn bị tàn phá mai một; nay đang dần dần được tôn tạo lại.

Chùa Quang Nghiêm (tức chùa Nộn Sơn, nay ở xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định) và đền Dành (nay ở huyện Quỳnh Phụ tỉnh Thái Bình)... vẫn truyền đời thờ Bà với đầy đủ thần phả, sắc phong. Ở gần chùa Kim Sơn, thôn Kim Đâu xã Cam An huyện Cam Lộ (Quảng Trị), cửa biển Tư Hiền (Phú Lộc, Thừa Thiên Huế)..., miếu Bà còn nguyên vẹn. Gần đây, năm 2007, Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và các tổ chức, cơ quan, các nhà hoạt động văn hóa, xã hội, kinh doanh... hăng tâm hăng sản, đã nhất trí xây dựng Ngôi đền Huyền Trân Công Chúa ở núi Ngũ Phong, thành phố Huế; lấy ngày 9

tháng giêng (ngày Bà thị tịch) làm *Ngày hội Đền Bà Huyền Trân Công Chúa* của nhân dân Thừa Thiên Huế và nhân dân Thuận Hóa tỏ lòng kính nhớ, thọ ơn tiên nhân.

3.

Nhiều địa phương trong cả nước (trong đó có các tỉnh, thành phố vùng Thuận Hóa cũ) tỏ lòng thành kính tri ân và tôn vinh Bà, đã đặt tên Huyền Trân Công Chúa cho một số đường phố, trường học, nhà văn hóa và công trình công cộng... Công đức, hành trạng của Bà đã trở thành đề tài được đi sâu học hỏi nghiên cứu sáng tạo trong nhiều công trình văn hóa giáo dục khoa học nghệ thuật.

Riêng ở vùng Hóa Khuê cũ, vốn là tụ điểm dân cư Việt sớm nhất bên sông Hàn, cũng đã có tên đường mang tên Bà ở trung tâm khu lịch sử - văn hóa Ngũ Hành Sơn. Tựa lưng vào núi Kim Sơn - trong quần thể Ngũ Hành Sơn, tổ tiên ta đã truyền lại miếu thờ Bà, xây dựng bằng gạch Chăm cổ, có văn bia khắc bằng chữ Chăm và nơi thờ tự nghiêm chỉnh. Đây là di chỉ văn hóa - lịch sử quý báu của quốc gia về Công Chúa Huyền Trân, vị tiền hiền có đại công hy sinh mở cõi bằng con đường hòa hiếu hữu nghị, trên dải quê hương gấm vóc thiêng liêng mà các thế hệ kế thừa đang thụ hưởng và tri ân. Tiếc rằng, khoảng đầu những năm 1980, do trào lưu thực hành "bài trừ mê tín dị đoan" thiếu sáng suốt phân biệt, nhất là do sự hiểu lầm và chưa nhận rõ giá trị chân thật cao quý của một hiện vật văn hóa - lịch sử cụ thể, Miếu Bà bao gồm văn bia nói trên đã bị một số người mù quáng đập phá; may dấu vết cũ và một vài hiện vật vẫn còn tồn tại.

4.

Năm 2007, trong tinh thần tôn kính công đức tổ tiên và bảo tồn tinh hoa văn hóa dân tộc, nhằm dịp kỷ niệm đúng 700 năm đất Thuận Hóa cũ (bao gồm thành phố Đà Nẵng ngày nay) thuộc về lãnh thổ Đại Việt, nhân dân và chi bộ Đảng thôn Sơn Thủy, xã Hòa Hải noi gương ông cha, đã đồng tâm xây dựng lại Miếu thờ Bà, tại đúng vị trí cũ và cố gắng bảo tồn hình dáng cũng như vật liệu ban đầu còn gìn giữ được. Hơn năm năm qua, *Đền thờ Bà Huyền Trân Công Chúa/ Ngũ Hành Sơn* được tôn tạo lại trong tinh thần tin kính, thờ phụng và tri ân sâu sắc không chỉ của đồng bào địa phương mà còn của đồng bào nhân dân cũng như các tổ chức, cơ quan, đơn vị... ở trong và ngoài nước.

Ngũ Hành Sơn, tháng 3/2013

N.C